

SỞ Y TẾ PHÚ THỌ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH
Số: 1789/BV-KHTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Phú Thọ, ngày 26 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, đơn vị kinh doanh cung ứng dịch vụ y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh

Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá xây dựng dịch vụ cung ứng giá xét nghiệm phục vụ khám chữa bệnh làm cơ sở để lập dự toán ký hợp đồng dịch vụ: Thuê cung ứng dịch vụ y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Ông Triệu Quốc Thường (SĐT: 0976982282) - Phó Trưởng phòng KHTH.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ; đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
 - Nhận qua email (file scan, excel phụ lục): Thuongtrieuvp@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00' ngày 27 tháng 5 năm 2025 đến trước 16h30' ngày 07 tháng 6 năm 2025 (trong giờ hành chính trừ thứ 7, chủ nhật)
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 07 tháng 6 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục dịch vụ xét nghiệm cần thuê theo phụ lục 1 đính kèm.
Lưu ý: Giá báo giá đã bao gồm toàn bộ các khâu từ vận chuyển, lấy mẫu, xét nghiệm và bàn giao lại kết quả. Đơn vị thực hiện dịch vụ chịu trách nhiệm trước kết quả dịch vụ và toàn bộ quá trình bảo quản, giải trình thắc mắc về kết quả xét nghiệm (nếu có). Các tiêu chuẩn phải đảm bảo và được phê duyệt theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế và của pháp luật hiện hành.
- Địa điểm cung cấp dịch vụ, các yêu cầu về vận chuyển: Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.
- Thời gian giao triển khai dự kiến: Từ tháng 6/2025.
- Thời gian cung cấp dịch vụ: Trong vòng 365 ngày.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành hoặc theo điều kiện khi ký hợp đồng giữa nhà cung cấp và Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.

6. Các thông tin khác (nếu có).

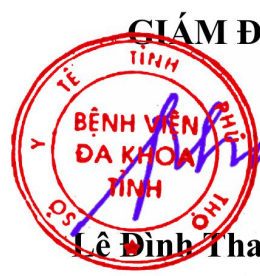
Để biết thêm các thông tin, quý đơn vị có thể liên hệ với ông Triệu Quốc Thường (SĐT: 0976982282) - Phó Trưởng phòng KHTH để được cung cấp các thông tin theo quy định hiện hành.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, TCKT, KHTH.

GIÁM ĐỐC



Lê Đình Thanh Sơn
Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH
PHÚ THỌ

PHỤ LỤC 1

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	Đơn vị tính
1	Cystatin C	Lần
2	Cholinesterase (ChE)	Lần
3	P-Amylase máu	Lần
4	Lipase máu	Lần
5	Kẽm máu	Lần
6	Định lượng Đồng tự do trong máu (Cu)	Lần
7	Định lượng Đồng máu (Cu)	Lần
8	Định lượng Đồng niệu 24h (Cu)	Lần
9	Định lượng đồng trong máu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
10	Chì máu (Pb)	Lần
11	Định lượng Chì (Pb) trong máu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
12	Định lượng Chì (Pb) trong nước tiểu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
13	Định lượng Asen trong máu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
14	Định lượng Asen trong nước tiểu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
15	Định lượng thủy ngân trong máu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
16	Định lượng thủy ngân trong nước tiểu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
17	Định lượng Cadimi trong máu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
18	Định lượng Coban trong máu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
19	Định lượng Mangan trong máu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
20	Định lượng Niken trong máu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
21	Định lượng sắt trong máu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
22	Transferrin	Lần
23	Độ bão hòa transferrin (TSAT)	Lần
24	TIBC (Khả năng gắn sắt toàn phần)	Lần
25	Haptoglobin	Lần
26	Áp lực thẩm thấu máu	Lần
27	Áp lực thẩm thấu nước tiểu	Lần
28	Apo A1 (Apolipoprotein A1)	Lần
29	Apo B (Apolipoprotein B)	Lần
30	Ceton máu	Lần
31	Adiponectin	Lần
32	Alpha 1 – antitrypsine	Lần
33	D-dimer	Lần
34	Định lượng G6PD (Glucose 6 Phosphat Dehydrogenase):	Lần
35	Sirolimus	Lần
36	Tacrolimus (Abbott)	Lần
37	Xét nghiệm Nicotin máu (LC/MS/MS)	Lần
38	Xét nghiệm Nicotin và Cotinin máu (LC/MS/MS):	Lần
39	Huyết đồ trên máy tự động (có nhuộm lam):	Lần
40	Định nhóm máu hệ ABO	Lần

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	Đơn vị tính
41	Định nhóm máu hệ ABO, Rh (thẻ nhóm máu)	Lần
42	Định nhóm máu hệ Rh(D)	Lần
43	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	Lần
44	Ngưng tập tiểu cầu với Acid Arachidonic	Lần
45	Ngưng tập tiểu cầu với ADP	Lần
46	Ngưng tập tiểu cầu với Collagen	Lần
47	Ngưng tập tiểu cầu với Ristocetin	Lần
48	Free Protein S	Lần
49	Protein C	Lần
50	Kháng định kháng đông Lupus (LA Screen+ LA Confirm):	Lần
51	LA screening test (kháng đông Lupus)	Lần
52	Nghiệm pháp Coombs:	Lần
53	Tế bào Hargraves	Lần
54	Xét nghiệm tế bào CD4, CD8:	Lần
55	PEPSINOGEN I định lượng	Lần
56	PEPSINOGEN I.II	Lần
57	ProGRP	Lần
58	Anti-Insulin Ab (AIA)	Lần
59	Free Testosterone	Lần
60	SHBG (Globulin gắn hormon sinh dục):	Lần
61	DHEA.SO4	Lần
62	TSI (Semens)	Lần
63	IGF-1	Lần
64	17-OH-Progesterone	Lần
65	17-OH-Progesterone máu tĩnh mạch (trẻ em <1 tháng)	Lần
66	Folate/Serum	Lần
67	Vitamin D total (Cobas)	Lần
68	ADH (Hormon chống bài niệu)	Lần
69	Anti CCP (Cobas)	Lần
70	Beta CrossLaps	Lần
71	Calcitonin	Lần
72	Myoglobin	Lần
73	Osteocalcin	Lần
74	P1NP Total	Lần
75	Beta2-microglobulin	Lần
76	Catecholamine máu:	Lần
77	Catecholamine nước tiểu 24h:	Lần
78	Mycoplasma-pneumonia IgG	Lần
79	Mycoplasma-pneumonia IgM (Liaison)	Lần
80	Acetylcholine receptor Ab (AChR)	Lần
81	ADA (ADENOSINE DEAMINASE)	Lần
82	Adeno Virus IgG (Elisa)	Lần

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	Đơn vị tính
83	Adeno Virus IgM (Elisa)	Lần
84	Aldosterone máu:	Lần
85	GH động (Hormon sinh trưởng)	Lần
86	GH tĩnh (Hormon sinh trưởng)	Lần
87	Renin hoạt tính	Lần
88	Interleukin 10 (IL10)	Lần
89	Interleukin 12 (IL12)	Lần
90	Interleukin 17A (IL-17A)	Lần
91	AMA-M2 (Kháng thể kháng ty thể)	Lần
92	ANA	Lần
93	ANA-23Profiles (Elisa):	Lần
94	ANA-8Profiles (Elisa):	Lần
95	ENA-6 Profiles (Elisa):	Lần
96	ANCA IFT/Kidney Screening (pANCA + cANCA):	Lần
97	ANCA Screen	Lần
98	Angiotensin Converting Enzyme (ACE)	Lần
99	Anti LKM-1 (kháng thể kháng tiêu thể gan thận)	Lần
100	Anti PLA2R - IgG (IFT)	Lần
101	Anti SLA/LP (Kháng thể kháng KN gan/gan-tụy hòa tan)	Lần
102	Anti-GAD (Glutamic acid decarboxylase)	Lần
103	Anti-GBM (kháng thể kháng màng đáy cầu thận)	Lần
104	Anti-dsDNA	Lần
105	Xét nghiệm (Combo ANA+ ds-DNA):	Lần
106	Kháng thể Amip trong máu (sero Amibe)	Lần
107	Kháng thể kháng Sm (Anti-Sm)	Lần
108	Kháng thể trong viêm da cơ:	Lần
109	SMA (Kháng thể kháng cơ trơn)	Lần
110	C3 bổ thể	Lần
111	C4 bổ thể	Lần
112	Anti beta2 glycoprotein IgG	Lần
113	Anti beta2 glycoprotein IgM	Lần
114	Anti Cardiolipin IgG	Lần
115	Anti Cardiolipin IgM	Lần
116	Anti Phospholipid IgG	Lần
117	Anti Phospholipid IgM	Lần
118	Ceruloplasmine:	Lần
119	Aspergillus IgG	Lần
120	Aspergillus IgM	Lần
121	Candida albicans IgG	Lần
122	Candida albicans IgM	Lần
123	Chlamydia trachomatis IgG	Lần
124	Chlamydia trachomatis IgM	Lần

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	Đơn vị tính
125	Chlamydia trachomatis IgA	Lần
126	CMV IgG (Cobas)	Lần
127	CMV IgM (Cobas)	Lần
128	Rubella IgG (Cobas)	Lần
129	Rubella IgM (Cobas)	Lần
130	Toxoplasma gondii IgG (Cobas)	Lần
131	Toxoplasma gondii IgM (Cobas)	Lần
132	HSV 1,2 IgG	Lần
133	HSV 1,2 IgM	Lần
134	EBV-VCA IgG (Epstein Barr Virus)	Lần
135	EBV-VCA IgM (Epstein Barr Virus)	Lần
136	EPO (Erythropoietin) định lượng	Lần
137	Measles IgG (Sởi)	Lần
138	Measles IgM (Sởi)	Lần
139	Mumps IgG (Quai bị)	Lần
140	Mumps IgM (Quai bị)	Lần
141	Varicella Zoster IgM (Thủy đậu)	Lần
142	Varicella Zoster IgG (Thủy đậu)	Lần
143	Giun chỉ (sero Filariasis) IgG	Lần
144	Giun đầu gai (Gnathostoma) IgG	Lần
145	Giun đũa (Ascaris lumbricoides) IgG	Lần
146	Giun đũa (Ascaris lumbricoides) IgM	Lần
147	Giun đũa chó, mèo (Toxocara canis) IgG	Lần
148	Giun lươn (Strongyloides stercoralis) IgG	Lần
149	Giun móc (Ancylostoma) IgG	Lần
150	Giun móc (Ancylostoma) IgM	Lần
151	Giun tròn (Angiostrongylus cantonensis) IgG	Lần
152	Giun xoắn (Trichinella spiralis) IgG	Lần
153	Giun xoắn (Trichinella spiralis) IgM	Lần
154	Sán dải (sán dây) chó Echinococcus IgG	Lần
155	Sán dải (sán dây) chó Echinococcus IgM	Lần
156	Sán dây lợn (Cysticercosis/Taenia Solium) IgG	Lần
157	Sán dây lợn (Cysticercosis/Taenia Solium) IgM	Lần
158	Sán lá gan nhỏ (Clonorchis Sinensis) IgG	Lần
159	Sán lá gan nhỏ (Clonorchis Sinensis) IgM	Lần
160	Sán lá gan lớn (Sero Fasciola sp) IgG	Lần
161	Sán lá phổi Paragonimus (IgG)	Lần
162	Sán lá phổi Paragonimus IgM	Lần
163	Sán máng (Schistosoma masoni) IgG	Lần
164	H.pylori IgG định lượng	Lần
165	H.pylori IgM định lượng	Lần
166	HBcrAg (Fuji)	Lần

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	Đơn vị tính
167	HBeAb Cobas	Lần
168	HCC Risk (Wako)	Lần
169	PIVKA II (DCP) (Cobas)	Lần
170	FibroTest/ActiTest (Chẩn đoán xơ gan):	Lần
171	HEVAb-IgG (Elisa)	Lần
172	HEVAb-IgM (Elisa)	Lần
173	Anti HTLV I/II (Virus gây bệnh bạch cầu)	Lần
174	Anti-HAV IgG	Lần
175	Anti-HAV IgM (Cobas)	Lần
176	Anti-HAV total (Cobas)	Lần
177	Homocysteine total	Lần
178	IgE định lượng (Cobas)	Lần
179	JEV IgG (viêm não Nhật Bản)	Lần
180	JEV IgM (viêm não Nhật Bản)	Lần
181	Legionella Pneumophila IgG	Lần
182	Legionella Pneumophila IgM	Lần
183	Leptin (Phát hiện béo phì)	Lần
184	Leptospira-IgG	Lần
185	Leptospira-IgM	Lần
186	TPHA (Cobas) định lượng	Lần
187	TPHA định lượng	Lần
188	TPHA định tính	Lần
189	Syphilis TP (Cobas)	Lần
190	QuantiFERON-TB (lao)	Lần
191	T-SPOT.TB test (lao)	Lần
192	Điện di miễn dịch huyết thanh:	Lần
193	Điện di Protein huyết thanh:	Lần
194	Điện di Protein nước tiểu:	Lần
195	Định lượng FLC Kappa & Lambda:	Lần
196	Định lượng kháng thể IgA	Lần
197	Định lượng kháng thể IgA (dịch não tủy)	Lần
198	Định lượng kháng thể IgG	Lần
199	Định lượng kháng thể IgG (dịch não tủy)	Lần
200	Định lượng kháng thể IgM	Lần
201	Định lượng kháng thể IgM (dịch não tủy)	Lần
202	Calprotectin/Stool	Lần
203	Metanephrine niệu 24h	Lần
204	Metanephrine/plasma	Lần
205	Định danh kháng thể kháng HLA bằng kỹ thuật Luminex	Lần
206	Lympho cross match bằng kỹ thuật Flow-cytometry (người cho)	Lần
207	Lympho cross match bằng kỹ thuật Flow-cytometry	Lần

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	Đơn vị tính
208	Định type HLA độ phân giải cao cho 1 locus (A, B, C, DR, DQ, DP) bằng kỹ thuật PCR-SSO_locus A	Lần
209	Định type HLA độ phân giải cao cho 1 locus (A, B, C, DR, DQ, DP) bằng kỹ thuật PCR-SSO_locus B	Lần
210	Định type HLA độ phân giải cao cho 1 locus (A, B, C, DR, DQ, DP) bằng kỹ thuật PCR-SSO_locus C	Lần
211	Định type HLA độ phân giải cao cho 1 locus (A, B, C, DR, DQ, DP) bằng kỹ thuật PCR-SSO_locus DR	Lần
212	Định type HLA độ phân giải cao cho 1 locus (A, B, C, DR, DQ, DP) bằng kỹ thuật PCR-SSO_locus DQ	Lần
213	Panel 1 Việt Dị nguyên hô hấp và thực phẩm thường gặp:	Lần
214	Panel 4 Dị ứng trẻ em:	Lần
215	Panel dị ứng 60 dị nguyên:	Lần
216	Chlamydia test nhanh	Lần
217	Cúm (Influenza Ag A/B) test nhanh:	Lần
218	Dengue (Combo IgM/IgG):	Lần
219	Dengue (Combo NS1/IgM/IgG):	Lần
220	Dengue NS1 Ag	Lần
221	EV 71 IgM test nhanh	Lần
222	Rotavirus test nhanh	Lần
223	RSV Ag test nhanh	Lần
224	Syphilis TP test nhanh (SD Bioline 3.0)	Lần
225	TB IgG/IgM Rapid Test:	Lần
226	Tìm máu ẩn trong phân (FOB)	Lần
227	Acid Uric nước tiểu ngẫu nhiên	Lần
228	Định lượng Crom trong nước tiểu (Kỹ thuật ICP-MS)	Lần
229	P-Amylase niệu	Lần
230	Protein Bence Jones nước tiểu (định tính)	Lần
231	Xét nghiệm Cocain nước tiểu	Lần
232	Chlamydia trachomatis-DNA (Real-time PCR)	Lần
233	Chlamydia-Lậu (Multiplex Real-time PCR):	Lần
234	PCR-Treponema pallidum	Lần
235	Neisseria gonorrhoeae-DNA (VK Lậu) Real-time PCR	Lần
236	CMV-DNA PCR Định tính	Lần
237	CMV PCR định tính (dịch ối)	Lần
238	CMV-DNA PCR Định lượng	Lần
239	Toxoplasma PCR dịch (định tính)	Lần
240	EBV-DNA PCR định lượng (Epstein Barr Virus)	Lần
241	EBV-DNA PCR định tính (Epstein Barr Virus)	Lần
242	PCR tìm liên cầu khuẩn nhóm B (S.agalactiae)	Lần
243	PCR-vi khuẩn lây nhiễm tiết niệu-sinh dục (13 loại vi khuẩn):	Lần
244	PCR Mycoplasma genitalium	Lần

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	Đơn vị tính
245	PCR Mycoplasma hominis	Lần
246	PCR Ureaplasma parvum	Lần
247	PCR Ureaplasma urealyticum	Lần
248	PCR-Vi khuẩn lây nhiễm tiết niệu-sinh dục (M.hominis; M.genitalium):	Lần
249	PCR-Vi khuẩn lây nhiễm tiết niệu-sinh dục (U.urealyticum; M.genitalium)	Lần
250	Rickettsia PCR (sốt mò)	Lần
251	Đột biến di truyền thần kinh thị giác LEBER:	Lần
252	HBV Genotype, DB kháng thuốc:	Lần
253	HBV genotype, DB Precore & Core Promotor:	Lần
254	HBV-DNA định lượng (Real-time PCR)	Lần
255	HBV đo tải lượng hệ thống tự động:	Lần
256	HCV Genotype	Lần
257	HCV RNA-PCR định lượng (Real-time PCR)	Lần
258	Xét nghiệm HCV-RNA (Combo HCV-RNA định lượng+HCV Genotype):	Lần
259	HLA-B27 (Real-time PCR)	Lần
260	HPV COBAS (HR 14 types):	Lần
261	HPV định type (40 types)	Lần
262	HPV định type (KT lai đầu dò 24 types)	Lần
263	HPV High + Low risk QIAGEN (16 types)	Lần
264	HPV High risk-QIAGEN (14 types)	Lần
265	HPV Low risk - QIAGEN (6,11)	Lần
266	HPV-DNA PCR (định tính)	Lần
267	Xét nghiệm (Combo CT/NG + HPV cobas+NovaPrep):	Lần
268	Xét nghiệm (Combo CT/NG/HPV định type):	Lần
269	Xét nghiệm (Combo HPV cobas+NovaPrep):	Lần
270	HSV PCR định tính (dịch ối)	Lần
271	HSV-1,2 DNA PCR định tính	Lần
272	HSV-DNA PCR định type	Lần
273	HEV RNA PCR định tính	Lần
274	HDV RNA Realtime PCR	Lần
275	PCR Ho gà (Bordetella pertussis) định tính	Lần
276	Adenovirus Real time PCR	Lần
277	PCR liên cầu lợn (Streptococcus suis)	Lần
278	PCR Viêm não Nhật Bản (Japanese Encephalitis Virus)	Lần
279	PCR lao (đờm)	Lần
280	PCR lao (nước tiểu)	Lần
281	PCR lao dịch	Lần
282	Gene Xpert MTB	Lần
283	Real time PCR đa môi chẩn đoán vi khuẩn hô hấp (7 vi khuẩn):	Lần

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	Đơn vị tính
284	Real time PCR đa môi chẩn đoán virus hô hấp panel 1 (virus cúm, RSV và các phân type):	Lần
285	Real time PCR đa môi chẩn đoán virus hô hấp panel 2 (7 virus):	Lần
286	Real time PCR đa môi chẩn đoán virus hô hấp panel 3 (5 virus)	Lần
287	Realtime PCR đa môi chẩn đoán viêm não vi khuẩn:	Lần
288	Realtime PCR đa môi chẩn đoán viêm não virus panel 1:	Lần
289	Realtime PCR đa môi chẩn đoán viêm não virus panel 2:	Lần
290	NIPT 3 (T13, T18, T21) – FM	Lần
291	NIPT 5 (T13,T18,T21 & lệch bội NST giới tính: XO, XXX, XXY, XYY)	Lần
292	NIPT 23 (T13, T18, T21, XO, XXX, XXY, XYY, Trisomy trên 19 cặp NST còn lại)	Lần
293	NIPT Plus (T13, T18, T21, XO, XXX, XXY, XYY, Trisomy trên 19 cặp NST còn lại & 86 đột biến mất/lặp đoạn NST)	Lần
294	NIPT Twins (T13, T18, T21) - Thai đôi	Lần
295	Nhiễm sắc thể đồ máu ngoại vi:	Lần
296	Nhiễm sắc thể đồ tế bào dịch ối:	Lần
297	Đột biến gen AZF (Azoospermia factor)	Lần
298	Phát hiện gene JAK2 V617F trong nhóm bệnh tăng sinh tủy bằng kỹ thuật Allen-specific PCR (cho 1 gen)	Lần
299	Xét nghiệm 12 đột biến gen của các yếu tố đông máu (Thrombophilia)	Lần
300	QF24-NGS (phát hiện bất thường số lượng 23 cặp NST)	Lần
301	StripAssay 21 đột biến Alpha Thalassemia:	Lần
302	StripAssay 22 đột biến Beta Thalassemia:	Lần
303	Xét nghiệm 23 đột biến Thalassemia (6 Alpha và 17 Beta)	Lần
304	Phát hiện đột biến gen BRCA (8 SNPs-HRM-Realtime PCR):	Lần
305	Xác định huyết thống bố con	Lần
306	Xác định huyết thống mẹ con	Lần
307	Xác định huyết thống chú-cháu trai	Lần
308	Xét nghiệm đột biến gen CFTR	Lần
309	Xét nghiệm giải trình tự 50 gen trong điều trị đích ung thư	Lần
310	Xét nghiệm di truyền tiền làm tổ PGT-A (PGS 24 Plus) cho 1 phôi (lấy KQ nhanh 36h):	Lần
311	Xét nghiệm di truyền tiền làm tổ PGT-A (PGS 24 Plus) cho 1 phôi:	Lần
312	Xét nghiệm di truyền tiền làm tổ PGT-M (PGD) cho 1 phôi:	Lần
313	Xét nghiệm bệnh thận đa nang di truyền (8 gen: JAG1, LRP5, NOTCH2, PKD1, PKD2, PKHD1, PRKCSH & SEC63	Lần
314	Xét nghiệm đa hình gen CYP2C19	Lần
315	Xét nghiệm dịch ối (Kỹ thuật BoBs)	Lần
316	Xét nghiệm mất đoạn gen SMN1 gây bệnh loạn dưỡng cơ tủy	Lần
317	Halosperm test (đứt gãy ADN tinh trùng):	Lần
318	Tinh dịch đồ (WHO, 2021 Reference values)	Lần
319	Định lượng PLGF (yếu tố tân tạo mạch)	Lần

STT	TÊN XÉT NGHIỆM	Đơn vị tính
320	Định lượng sFlt-1 (yếu tố kháng tân tạo mạch)	Lần
321	Double Test:	Lần
322	Triple test	Lần
323	Free Beta HCG (Cobas)	Lần
324	PAPP-A (Cobas)	Lần
325	Sàng lọc tiền sản giật	Lần
326	Sàng lọc tiền sản giật quý 2 và 3:	Lần
327	Kháng sinh đồ MIC cho 2 loại vi khuẩn	Lần
328	Cấy Vi khuẩn Lao bằng phương pháp MGIT (đờm, dịch...)	Lần
329	Widal Salmonella:	Lần
330	Chất gây nghiện trong máu (Heroin,Morphin/blood) EIA	Lần
331	Ma túy tổng hợp: ma túy đá, met, Amphetamin, MDA, MDMA, Ketamin, MDEA, LSD, MDMA-4en-PINACA (sắc ký khối phổ)/máu	Lần
332	Ma túy tổng hợp: ma túy đá, met, Amphetamin, MDA, MDMA, Ketamin, MDEA, LSD, MDMA-4en-PINACA (sắc ký khối phổ)/nước tiểu	Lần
333	Ma túy tự nhiên: MOP, cần sa, heroin (sắc ký khối phổ)/máu	Lần
334	Ma túy tự nhiên: MOP, cần sa, heroin (sắc ký khối phổ)/nước tiểu	Lần
335	Ma túy tự nhiên: MOP, cần sa, heroin (sắc ký khối phổ)/tóc	Lần
336	Ma túy Tổng hợp - Tự nhiên/máu	Lần
337	Ma túy Tổng hợp - Tự nhiên/nước tiểu	Lần

Phụ lục 2
MẪU BÁO GIÁ
BÁO GIÁ

THIẾT BỊ Y TẾ, VẬT TƯ, HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ

Trên cơ sở thông báo mời báo giá tại văn bản số: /BV-KHTH ngày 26/5/2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ, chúng tôi Công ty, mã số thuế:, địa chỉ:, báo giá các loại cung ứng dịch vụ y tế phục vụ công tác chuyên môn như sau:

1. Báo giá cho dịch vụ y tế chi tiết tại phụ lục kèm theo.
2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày kể từ ngày 07/6/2025
3. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ;
4. Thời gian cung cấp hàng hóa: Trong vòng 365 ngày.
5. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động hoặc các tài liệu tương tự khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán, không vi phạm các quy định của pháp luật về thuế và các vi phạm khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá các dịch vụ trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá, không cao hơn mặt bằng giá đang bán ở thị trường Việt Nam, giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí, và bàn giao lại kết quả tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.

- Số lượng dịch vụ do nhu cầu thực tế của người bệnh và Bệnh viện, giá báo giá của chúng tôi đã thông báo là không thay đổi do số lượng.

- Các thông tin nêu trong báo giá là hoàn toàn trung thực, hợp pháp.

Thông tin người liên hệ: Họ và tên, chức danh, số điện thoại, địa chỉ email.

Nơi nhận:

- Như kính gửi.

- Lưu: VT

....., ngày tháng ... năm 2025

Đại diện hợp pháp của, đơn vị

[ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu]